

## NGHỊ QUYẾT

### Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và xử lý nợ bị rủi ro từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay đối tượng với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg;

Xét Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 25 tháng 25 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 978/BC-DT ngày 27 tháng 02 năm 2026 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và xử lý nợ bị rủi ro từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La.

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay và xử lý nợ bị rủi ro từ nguồn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Sơn La theo quy định tại Khoản 3, Khoản 5

Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Sơn La.
2. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và đối tượng được vay vốn tín dụng ưu đãi theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **Điều 3. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay**

Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay: Thực hiện theo quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

## **Điều 4. Xử lý nợ bị rủi ro**

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ: thực hiện theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội được sửa đổi bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

## **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, Kỳ họp chuyên đề thứ 39 thông qua ngày 27 tháng 02 năm 2026 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *[Handwritten signature]*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Các Bộ: Tài Chính, Tư pháp;
- NHCSXH Việt Nam;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL và Quản lý XLVPHC - Bộ Tư pháp;
- Ban thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội; đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành của tỉnh;
- Ban pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường;
- Trang TTĐT – Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, DT.

**CHỦ TỊCH**



*[Handwritten signature]*  
**Lò Minh Hùng**